

DANH SÁCH XẾ HẠNG

STT	Tên đăng nhập	Họ tên	Lớp	Đúng	Thời gian	Thứ hạng
1	tca1-1954	Võ Kiều Hải Đăng	2A2	29	630	20
2	tca1-2391	Đoàn Ngọc Bảo Nam	2A5	29	1128	31
3	tca1-1868	Nguyễn Phong Quân	2A5	28	695	57
4	tca1-2064	Bùi Tuệ An	2A1	27	1090	106
5	tca1-1911	Vũ Anh Khôi	2A3	23	641	250
6	tca1-2067	Nguyễn Ngọc Khôi	2A1	23	836	266
7	tca1-0252301	Đồng Bảo An	2A1	23	876	269
8	tca1-0252079	Trần Quang Minh	2A1	22	926	322
9	tca1-1961	Nguyễn Huy Hoàng	2A4	20	730	392
10	tca1-0252337	Trịnh Ngọc Mỹ Anh	2A6	15	838	536